

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

1. Thông tin công trình

1.1. Tên dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Điện Biên.

1.2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên.

1.3. Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên.

1. 4. Mục tiêu, quy mô xây dựng

1.4.1 Mục tiêu của dự án

a. Mục tiêu tổng quát Góp phần phát triển nông thôn toàn diện trong khu vực kinh tế còn kém phát triển, thu hẹp khoảng cách kinh tế bằng cách tăng năng suất và tăng giá trị nông nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ với các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế tổng thể theo hướng bền vững, chống chịu với thời tiết và tạo điều kiện để nông thôn tự ứng phó với biến đổi khí hậu, đóng góp vào việc giảm nhẹ các tác động tiêu cực có thể xảy ra do thiên tai.

b. Mục tiêu cụ thể Thông qua các hợp phần công trình (mở mới, nâng cấp 207,067 km đường; đảm bảo nước tưới cho 3.132 ha diện tích lúa; xây dựng 22,844 km kè bảo vệ sông suối) để cải thiện các hoạt động sinh kế của người dân nông thôn ở khu vực kém phát triển so với mức trung bình của cả nước.

1.4.2. Quy mô xây dựng

Dự án bao gồm 34 tiểu dự án thành phần, gồm:

- 04 tiểu dự án thủy lợi (sửa chữa, nâng cấp kênh thủy lợi; cầu máng; ...), thực hiện các xã: Thanh An, Thanh Nưa, Thanh Yên và phường Điện Biên Phủ để đảm bảo nước tưới cho 3.132ha diện tích lúa.

- 18 tiểu dự án giao thông: Đầu tư nâng cấp 207,067 km đường giao thông tại các xã: Chà Tở, Mường Chà, Mường Luân, Mường Nhà, Mường Nhé, Mường Mùn, Mường Phăng, Na Son, Nà Hỳ, Phình Giàng, Tà Đình, Tủa Thàng, Xa Dung.

- 12 tiểu dự án chỉnh trị sông: Đầu tư xây dựng 22,844 km kè bảo vệ sông suối tại các xã: Chiềng Sinh, Mường Ảng, Mường Nhé, Nà Hỳ, Thanh Nưa, Tuần Giáo.

1.5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án

1.5.1. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh

JICA Điện Biên.

1.5.2. *Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi:* Liên danh công ty Giang Thành - Thanh Thế

1.6. Địa điểm xây dựng

Trên địa bàn các xã: Chà Tở, Chiềng Sinh, Mường Ảng, Mường Chà, Mường Luôn, Mường Nhà, Mường Nhé, Mường Mùn, Mường Phăng, Na Son, Nà Hỳ, Phình Giàng, Thanh An, Thanh Nưa, Thanh Yên, Tà Dình, Tủa Thàng, Tuần Giáo, Xa Dung và phường Điện Biên Phủ.

1.7. Nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Nhóm B; loại công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình giao thông (Công trình đường giao thông); cấp IV.

1.8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- a) Số bước thiết kế: 02 bước.
- b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu
 - QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ đường bộ.
 - TCVN 4054-05 Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô.
 - TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế.
 - TCVN 11823:2017 Thiết kế cầu đường bộ.
 - TCVN 13567-1:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường.
 - TCVN 8863:2025 Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu.
 - TCVN 9504:2012 Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - Thi công và nghiệm thu.
 - TCVN 8859:2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu.
 - TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu. - TCVN 4253:2022 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 9152:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi.
 - TCVN 9162:2012 Công trình thủy lợi - Đường thi công - Yêu cầu thiết kế.
 - TCVN 9160:2012 Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế dẫn dòng trong xây dựng.
 - TCVN 8412:2020 Công trình Thủy lợi - Quy trình vận hành hệ thống

công trình thủy lợi.

- TCVN 9155:2021 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật trong khảo sát địa chất.

- QCVN 04-05:2022/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Công trình thủy lợi, Phòng chống thiên tai - Phần I. Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế.

- TCVN 8419:2022 Công trình bảo vệ đê, bờ sông - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 13615:2022 Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế. - TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động.

- TCVN 9159:2022 Công trình Thủy lợi - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu khớp nối.

- Các tiêu chuẩn, quy trình khác có liên quan.

1.9. Tổng mức đầu tư xây dựng: 1.480.000.000.000 đồng;

1.10. Tiến độ thực hiện dự án: 04 năm, kể từ ngày ký Hiệp định vay.

11. Nguồn vốn đầu tư và cơ cấu vốn Vốn vay ODA Chính phủ Nhật Bản, thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và nguồn vốn đối ứng, trong đó:

- Vốn vay ODA: 1.139,28 tỷ đồng.

- Vốn đối ứng: 340,72 tỷ đồng

1.11. Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Tư vấn kiểm toán dự án.

- Dự toán gói thầu: 1.918.093.942 đồng

- Nguồn vốn: Vốn vay ODA Chính phủ Nhật Bản, thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và nguồn vốn đối ứng.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 45 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 48 tháng.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Nhằm chọn được nhà thầu đáp ứng các yêu cầu của chủ đầu tư để thực hiện gói thầu số 01: Tư vấn kiểm toán dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Điện Biên thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu trên cơ sở cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện:

1.1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu:

- Thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Điện Biên.

- Nội dung kiểm toán được thực hiện dựa trên các quy định của Pháp luật, Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và các nội dung được quy định cụ thể tại Chuẩn mực kiểm toán số 1000 - Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành ban hành kèm theo Thông tư số 67/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính (SOE) hằng năm

1.2. Nguồn vốn: Nguồn Vốn vay ODA Chính phủ Nhật Bản, thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và nguồn vốn đối ứng.

1.3. Chủ đầu tư: Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên.

1.4. Thời gian, tiến độ thực hiện: 48 tháng.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn:

2.1. Lập kế hoạch kiểm toán

- Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán phải vận dụng phù hợp các quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và kiểm toán sao kê chi tiêu SOE. Các đoạn từ 16 đến 25 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000 quy định một số nội dung chủ yếu về lập kế hoạch kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

- Kế hoạch kiểm toán phải được lập cho tất cả các cuộc kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và kiểm toán sao kê chi tiêu SOE, phù hợp với từng cuộc kiểm toán.

- Mục tiêu của việc lập kế hoạch kiểm toán:

(a) Trợ giúp kiểm toán viên tập trung đúng mức vào các phân hành quan trọng của cuộc kiểm toán; xác định và giải quyết các vấn đề có thể xảy ra một cách kịp thời; tổ chức và quản lý cuộc kiểm toán một cách thích hợp nhằm đảm bảo cuộc kiểm toán được tiến hành hiệu quả;

(b) Hỗ trợ trong việc lựa chọn thành viên nhóm kiểm toán có năng lực chuyên môn và khả năng phù hợp để xử lý các rủi ro dự kiến; phân công công việc phù hợp cho từng thành viên;

(c) Tạo điều kiện cho việc chỉ đạo, giám sát nhóm kiểm toán và soát xét công việc của nhóm.

- Trưởng đoàn kiểm toán và các thành viên chính trong nhóm kiểm toán phải tham gia vào quá trình lập kế hoạch kiểm toán, bao gồm việc lập và thảo

luận với các thành viên khác trong nhóm kiểm toán về kế hoạch kiểm toán.

- Kế hoạch kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và kiểm toán sao kê chi tiêu SOE gồm 2 bộ phận:

- (a) Kế hoạch kiểm toán tổng thể;
- (b) Chương trình kiểm toán.

Kế hoạch kiểm toán tổng thể:

- Kế hoạch kiểm toán tổng thể mô tả phạm vi và cách thức tiến hành cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán tổng thể phải đầy đủ, chi tiết, làm cơ sở để lập chương trình kiểm toán. Hình thức và quy mô của kế hoạch kiểm toán tổng thể tùy thuộc vào yêu cầu của hợp đồng kiểm toán, quy mô của dự án, tính chất phức tạp của công việc kiểm toán.

- Những vấn đề chủ yếu mà kiểm toán viên phải xem xét và trình bày trong kế hoạch kiểm toán tổng thể gồm (xem hướng dẫn tại đoạn A6-A7 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000):

- (a) Thông tin về dự án và đơn vị được kiểm toán;
- (b) Xác định rủi ro và mức trọng yếu;
- (c) Nhân sự và thời gian kiểm toán.

(Mẫu Kế hoạch kiểm toán tổng thể hướng dẫn tại Phụ lục 02 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000)

Chương trình kiểm toán

- Chương trình kiểm toán phải xác định nội dung, lịch trình và phạm vi các thủ tục kiểm toán cần thiết để thực hiện kế hoạch kiểm toán tổng thể (xem hướng dẫn tại đoạn A8 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000).

- Chương trình kiểm toán của mỗi doanh nghiệp kiểm toán do kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán lập và thực hiện, có thể khác nhau giữa các doanh nghiệp kiểm toán và khác nhau cho từng cuộc kiểm toán nhưng phải đảm bảo mục tiêu kiểm toán, thực hiện đúng kế hoạch kiểm toán tổng thể và đảm bảo hiệu quả của cuộc kiểm toán.

Thay đổi kế hoạch kiểm toán:

- Trong quá trình thực hiện cuộc kiểm toán, khi xảy ra các sự kiện ngoài dự kiến, hoặc trường hợp thông tin hoặc bằng chứng kiểm toán thu thập được trong quá trình kiểm toán có sự khác biệt lớn so với thông tin sử dụng để lập kế hoạch kiểm toán, kiểm toán viên phải cập nhật và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán tổng thể và chương trình kiểm toán.

- Sau khi lập kế hoạch kiểm toán, kiểm toán viên phải lập “Kế hoạch làm việc” kèm theo danh mục tài liệu cần cung cấp cho kiểm toán viên và gửi cho đơn vị được kiểm toán (xem hướng dẫn tại đoạn A9 của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000).

(Mẫu Danh mục tài liệu cần cung cấp hướng dẫn tại Phụ lục 04 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000)

1.2. Nhiệm vụ kiểm toán

- *Giao nhận tài liệu, hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành:* Việc thu thập bằng chứng kiểm toán phụ thuộc phần lớn vào hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành và do đơn vị được kiểm toán cung cấp. Trước khi thực hiện cuộc kiểm toán, kiểm toán viên và đơn vị được kiểm toán phải thực hiện giao nhận tài liệu, hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại đoạn 73 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000.

- *Thu thập các tài liệu liên quan kiểm toán sao kê chi tiêu theo từng đợt thanh toán:* Hiệp định vay sau khi các bên ký kết; sổ sách kế toán; hồ sơ thanh toán, rút vốn; Báo cáo tài chính dự án; bảng kê SOE.

***. Nội dung kiểm toán**

Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán, kiểm toán viên phải thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và kiểm toán sao kê chi tiêu SOE theo các quy định của pháp luật về thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành, trên cơ sở vận dụng các quy định và hướng dẫn của các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam có liên quan phù hợp với từng cuộc kiểm toán, bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- (a) Kiểm tra hồ sơ pháp lý;
- (b) Kiểm tra nguồn vốn đầu tư;
- (c) Kiểm tra chi phí đầu tư;
- (d) Kiểm tra chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư;
- (e) Kiểm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư;
- (f) Kiểm tra các khoản công nợ và vật tư, thiết bị tồn đọng;
- (g) Đối chiếu bảng kê SOE với sổ kế toán dự án; Kiểm tra chứng từ thanh toán, hợp đồng, biên bản nghiệm thu, hoá đơn,...; Đối chiếu khoản chi với danh mục chi tiêu hợp lệ của hiệp định, hạn mức chi,...
- (h) Kiểm tra việc chấp hành của Chủ đầu tư đối với ý kiến kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có).

***. Kiểm tra hồ sơ pháp lý**

Kiểm toán viên phải thực hiện kiểm tra nội dung, đối chiếu danh mục, trình tự thực hiện các văn bản pháp lý của dự án so với các quy định của pháp luật có liên quan nhằm đưa ra các ý kiến về:

- (a) Việc chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng;
- (b) Việc chấp hành trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về lựa chọn nhà thầu;
- (c) Sự phù hợp của việc thương thảo và ký kết các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu so với các quy định của pháp luật về hợp đồng và quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền.

Kiểm tra nguồn vốn đầu tư (xem hướng dẫn tại đoạn A11 - A14 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000)

Kiểm toán viên phải thực hiện kiểm tra và đưa ra ý kiến về tổng số và chi tiết nguồn vốn đầu tư đã thực hiện so với tổng mức đầu tư được duyệt theo từng nguồn vốn.

**. Kiểm tra chi phí đầu tư:*

Kiểm toán viên phải thực hiện kiểm tra và đưa ra ý kiến về:

(a) Tổng số chi phí đầu tư thực hiện;

(b) Chi tiết chi phí đầu tư thực hiện theo từng loại phù hợp với quy định và hướng dẫn về phân loại chi phí theo quy định của pháp luật về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trong từng thời gian phù hợp.

- Chi phí đầu tư thực hiện đề nghị quyết toán phải trong phạm vi dự án, thiết kế, dự toán, tổng mức đầu tư đã được phê duyệt, phù hợp với hợp đồng đã ký kết và các quy định của pháp luật có liên quan. Đối với chi phí đầu tư thực hiện đề nghị quyết toán ngoài phạm vi dự án, thiết kế, dự toán, tổng mức đầu tư được duyệt thì phải ghi rõ, như nội dung, nguyên nhân, tổng giá trị phát sinh trong báo cáo kiểm toán.

- Giá trị quyết toán các hợp đồng phải được xác định phù hợp với từng hình thức giá hợp đồng và các điều khoản cụ thể của hợp đồng, phù hợp với hồ sơ quản lý chất lượng của hợp đồng hoặc hạng mục công trình.

- Trường hợp có sự nghi ngờ về tính xác thực của thông tin thể hiện trên hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành, kiểm toán viên có thể thực hiện kiểm tra hiện trường, đo đạc, chụp ảnh hiện trạng... nhằm cung cấp bổ sung các bằng chứng về tính hiện hữu của dự án và/hoặc tính chính xác của thông tin thể hiện trên hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.

**. Kiểm tra chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:*

Kiểm tra nội dung, căn cứ xác định và giá trị chi phí đầu tư đề nghị không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư đối với các khoản:

(a) Chi phí đầu tư thiệt hại do thiên tai, địch họa và các nguyên nhân bất khả kháng khác không thuộc phạm vi bảo hiểm;

(b) Chi phí đầu tư cho khối lượng công việc được hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

**. Kiểm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:*

Kiểm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư theo nhóm, loại tài sản (tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn) theo chi phí thực tế, bao gồm các nội dung: Danh mục tài sản, số lượng, nguyên giá (đơn giá), tổng nguyên giá (tổng giá trị) (xem hướng dẫn tại đoạn A19 - A20 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000).

**. Kiểm tra các khoản công nợ và vật tư, thiết bị tồn đọng:*

- Kiểm tra, xác định nợ phải thu, nợ phải trả đối với từng tổ chức, cá nhân

có liên quan trên cơ sở tổng số tiền phải thanh toán, đã thanh toán và còn phải thanh toán cho từng tổ chức, cá nhân theo từng hợp đồng, hạng mục, khoản mục chi phí.

- Kiểm tra, xác định số lượng, giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng sau đầu tư căn cứ vào số thực tế mua sắm, tiếp nhận và sử dụng vật tư, thiết bị của dự án

- Kiểm tra, xác định số lượng, giá trị còn lại của tài sản dành cho hoạt động quản lý dự án tính đến ngày lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trên cơ sở số lượng, giá trị và thời gian đã sử dụng tài sản hoặc trên cơ sở biên bản kiểm kê, đánh giá tài sản dành cho hoạt động quản lý dự án.

**. Đối chiếu bảng kê SOE với sổ kế toán dự án; Kiểm tra chứng từ thanh toán, hợp đồng, biên bản nghiệm thu, hoá đơn,...; Đối chiếu khoản chi với danh mục chi tiêu hợp lệ của hiệp định, hạn mức chi,...: Kiểm tra hồ sơ thanh toán theo các đợt giải ngân theo yêu cầu nhà tài trợ, đảm bảo đúng nội dung chi của dự án, đúng hạng mục được tài trợ, đúng quy định của hiệp định tài trợ và pháp luật Việt Nam. Đảm bảo tính chính xác của số liệu, sử dụng đúng mục đích.*

**. Kiểm tra việc chấp hành của Chủ đầu tư đối với ý kiến kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có).*

- Kiểm toán viên phải thu thập các văn bản kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có) có liên quan đến quá trình thực hiện dự án, Báo cáo của Chủ đầu tư về việc chấp hành các ý kiến kết luận này cho đến ngày lập báo cáo kiểm toán.

- Kiểm toán viên phải có nhận xét về việc chấp hành của Chủ đầu tư đối với ý kiến kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có) có liên quan đến việc tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư và giá trị quyết toán dự án.

1.3. Kết thúc kiểm toán:

Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán, kiểm toán viên phải thực hiện các thủ tục sau:

- (a) Phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán;
- (b) Lập và phát hành báo cáo kiểm toán;
- (c) Xử lý các công việc phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán.

Phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán

**. Thủ tục phân tích:*

- Thủ tục phân tích được thực hiện trong suốt quá trình kiểm toán và tập trung hơn khi phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán trước khi đưa ra kết luận kiểm toán (xem hướng dẫn tại đoạn A22 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000).

- Thủ tục phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán giúp kiểm toán viên có thêm cơ sở đánh giá lại những kết luận có được trong suốt quá trình kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về việc tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và tính trung thực và hợp lý của báo cáo quyết

toán dự án hoàn thành.

- Trường hợp khi phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán phát hiện những chênh lệch trọng yếu hoặc mối liên hệ mâu thuẫn thì kiểm toán viên phải thực hiện các thủ tục kiểm tra bổ sung để thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho kết luận kiểm toán.

**. Soát xét tổng thể kết quả kiểm toán*

- Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán phải soát xét và đánh giá tổng thể những kết luận rút ra từ các bằng chứng kiểm toán thu thập được và sử dụng các kết luận này để đưa ra ý kiến kiểm toán về việc tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và tính trung thực, hợp lý của báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

- Ý kiến của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán phải xác định, xét trên các khía cạnh trọng yếu, liệu quá trình thực hiện dự án có tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư và báo cáo quyết toán của dự án có phản ánh trung thực và hợp lý tình hình quyết toán dự án tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo quyết toán dự án hoàn thành hay không.

**. Xem xét, tổng hợp kết quả và ý kiến kiểm toán từ các báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác (nếu có)*

- Đối với dự án đã được kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán từng phần, kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành phải tổng hợp kết quả và ý kiến kiểm toán từ các báo cáo kiểm toán từng phần. Trong báo cáo kiểm toán của mình, kiểm toán viên cần nêu rõ việc sử dụng các báo cáo kiểm toán từng phần và phạm vi trách nhiệm của các kiểm toán viên khác.

- Trường hợp các báo cáo kiểm toán từng phần chưa đầy đủ, chưa rõ ràng hoặc theo yêu cầu của đơn vị được kiểm toán, kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán có thể đề nghị kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán có liên quan làm rõ hoặc có thể đề xuất với đơn vị được kiểm toán về việc thực hiện kiểm toán bổ sung hoặc kiểm toán lại các nội dung cần thiết.

** Lập báo cáo kiểm toán và thư quản lý*

- Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán phải vận dụng phù hợp các quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700 - Hình thành ý kiến kiểm toán và báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 705 - Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 706 - Đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh” và “Vấn đề khác” trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính trong việc lập báo cáo kiểm toán về báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

- Kiểm toán viên phải trao đổi bằng văn bản một cách kịp thời (ví dụ dưới hình thức thư đề nghị, thư quản lý) với Chủ đầu tư về những khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ được phát hiện trong quá trình kiểm toán. Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán phải vận dụng phù hợp các quy định

và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 265 - Trao đổi về những khiếm khuyết trong kiểm soát nội bộ với Ban quản trị và Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán trong việc trao đổi với Chủ đầu tư về những khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ.

- Báo cáo kiểm toán phải được lập bằng văn bản, gồm các nội dung chính:

(a) Tên và địa chỉ doanh nghiệp kiểm toán;

(b) Số hiệu và tiêu đề báo cáo kiểm toán: Báo cáo kiểm toán phải ghi rõ số hiệu phát hành báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán hoặc chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán (số đăng ký chính thức trong hệ thống văn bản của doanh nghiệp hoặc chi nhánh). Báo cáo kiểm toán phải có tiêu đề là “Báo cáo kiểm toán độc lập”;

(c) Người nhận báo cáo kiểm toán: Báo cáo kiểm toán phải ghi rõ người nhận báo cáo kiểm toán tùy theo từng cuộc kiểm toán;

(d) Mở đầu của báo cáo kiểm toán, phải nêu rõ:

(1) Đối tượng của cuộc kiểm toán;

(2) Tên đơn vị lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;

(3) Ngày lập và số trang của báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đã được kiểm toán.

(e) Trách nhiệm của Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán theo quy định tại đoạn 08 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000;

(f) Trách nhiệm của kiểm toán viên theo quy định tại đoạn 09 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000;

(g) Căn cứ và phạm vi của cuộc kiểm toán:

(1) Căn cứ pháp lý và hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành (xem hướng dẫn tại đoạn A23 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000);

(2) Phạm vi của cuộc kiểm toán gồm: nội dung công việc và thủ tục kiểm toán mà kiểm toán viên đã thực hiện.

(h) Kết quả kiểm toán:

(1) Khái quát chung về dự án;

(2) Kết quả kiểm tra theo từng nội dung kiểm toán (xem hướng dẫn tại đoạn A24 - A27 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000).

(i) Ý kiến của kiểm toán viên (xem quy định tại đoạn 52 - 59 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000);

(j) Các kiến nghị (nếu có) của kiểm toán viên đối với đơn vị được kiểm toán (chủ đầu tư) và các bên liên quan đến việc quyết toán dự án hoàn thành;

(k) Chữ ký, họ và tên của kiểm toán viên và đóng dấu (xem quy định tại đoạn 60 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000);

(l) Ngày lập báo cáo kiểm toán (xem quy định tại đoạn 61 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000).

(Mẫu Báo cáo kiểm toán độc lập hướng dẫn tại Phụ lục số 05 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000)

1.4. Sản phẩm bàn giao của nhà thầu kiểm toán

- Báo cáo kiểm toán sao kê chi tiêu (SOE) theo yêu cầu của nhà tài trợ.
- Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

1.5. Thời gian thực hiện: 48 tháng

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Không quá 07 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Báo cáo theo tiến độ thực hiện: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Báo cáo thường xuyên: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Báo cáo đột xuất: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư;.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Theo yêu cầu của phần đánh giá kỹ thuật.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Cử cán bộ hỗ trợ nhà thầu.
- Cung cấp thông tin, tư liệu (nếu có) cho nhà thầu tư vấn khi nhà thầu yêu cầu trong thời gian thực hiện hợp đồng.
- Tổ chức các cuộc họp để đơn vị tư vấn báo cáo tiến độ triển khai.
- Cùng nhà thầu báo cáo, trình duyệt kết quả lên cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).
- Ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán đối với công việc dịch vụ tư vấn do nhà thầu thực hiện.
- Và một số nội dung cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tư vấn của nhà thầu.